

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/DS - PT

Ngày 28 - 01 - 2026

V/v: Kiện đòi bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Trường Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Trường

Bà Trần Thanh Hải

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Ông Hoàng Xuân Tân
- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2025/TLPT-DS ngày 21/10/2025 về việc: Kiện đòi bồi thường thiệt hại. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS - ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 263/2025/QĐ-PT ngày 11/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2025/QĐ - PT ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1952; Địa chỉ: số A, ngách I V, phường K, Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Số A đường C khu đô thị G, phường H, TP Hà Nội. (Có mặt)

2. Bị đơn: UBND huyện L, tỉnh Hoà Bình.

Đơn vị thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng: UBND xã L, tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: tiểu khu A, xã L, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh L - Phó Chủ tịch xã. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I Đ, phường K, TP Hà Nội. (Vắng mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân huyện T, TP Hà Nội. Đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng: UBND xã Y, TP Hà Nội. (Vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1950; (Có mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

3.5. Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm 1983; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: số A, ngách I V, phường K, Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Số A đường C khu đô thị G, phường H, TP Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Vũ Thị Tuyết .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/4/2000 gia đình bà được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: E0041831 diện tích 25.000m² đất lâm nghiệp tại: xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi xã T sáp nhập với Hà Nội thì thuộc huyện T, TP Hà Nội. Gia đình bà sử dụng diện tích đất trên hợp pháp. Ngày 22/8/2007 Chủ tịch UBND huyện L ra Quyết định số: 1142/QĐ - UBND Cưỡng chế giải phóng mặt bằng thu hồi 21.163 m² đất và tài sản trên đất của gia đình bà T. Tuy nhiên đến ngày 27/8/2007 bà mới nhận được Quyết định thu hồi đất số: 1123/QĐ - UBND ngày 14/12/2006 của UBND huyện L. Từ ngày 27/8/2007 trở về trước bà T chỉ nhận được các thông báo về thực hiện dự án xây dựng khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí xã T và các thông báo về việc kiểm kê giải phóng mặt bằng, trả tiền bồi thường.

Ngày 30/ 8/2007, UBND huyện L đã tổ chức cưỡng chế phá toàn bộ cây cối, hoa màu, nhà cửa công trình trên diện tích 21.163m² đất.

Ngày 06/12/2007 bà T có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu giải quyết các nội dung: (1) Hủy quyết định số: 1142/UBND ngày 22/8/2007 của chủ tịch UBND huyện L về việc thực hiện biện pháp cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng; (2) Buộc UBND huyện L bồi thường thiệt hại do việc thực hiện cưỡng chế giải phóng mặt bằng theo Quyết định 1142/QĐ - UBND huyện L gây ra là 2.100.000.000 (Hai tỷ một trăm triệu) đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án hành chính tại cấp sơ thẩm, ngày 30/01/2008 bà T có đơn yêu cầu tách phần bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính số: 02/2007 để giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Theo đó, ngày 04/02/2008 Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn đã ra Quyết định số: 01/2008/QĐ - TA tách phần bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính để giải quyết bằng vụ án dân sự thụ lý số: 04/2008/TLST - DS ngày 04/02/2008. Ngày 21/4/2008, TAND huyện Lương Sơn ra Quyết định số: 01/2008/QĐ - TĐC về việc Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 04/2008 để chờ kết quả giải

quyết vụ án hành chính.

Ngày 07/5/2008 vụ án hành chính đã xét xử và bà T kháng cáo. Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính tại cấp phúc thẩm, giữa UBND huyện L và bà Vũ Thị T đã tự thỏa thuận với nhau về phần bồi thường. Bà T đồng ý nhận 1,1 tỷ đồng tiền bồi thường, UBND huyện L có trách nhiệm quy vuông phần đất còn lại sau thu hồi và cấp đổi bìa đỏ cho bà. Tuy nhiên sau khi bà T nhận 1,1 tỷ đồng theo thỏa thuận, địa bàn xã T đã được điều chỉnh địa giới về huyện T, thành phố Hà Nội dẫn đến UBND huyện L không thể thực hiện được phần còn lại của thỏa thuận với bà T. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 01/2012/HC- PT ngày 29/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định: (1) Hủy quyết định số: 1142/QĐ - UBND ngày 21 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch UBND huyện L về việc thực hiện biện pháp cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà Vũ Thị T; (2) UBND huyện L có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với số tiền 1,1 tỷ đồng bằng vụ án dân sự khác.

Bản án hành chính trên của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 19/4/2020, bà Vũ Thị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn tiếp tục giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 04/2008/TLST - DS ngày 04/02/2008, yêu cầu cụ thể:

- UBND huyện L phải bồi thường thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là: 3.688.200.000đ. Bà T đã nhận 1,1 tỷ đồng nên yêu cầu UBND huyện L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 2.588.200.000 đồng.

- Đề nghị Toà án ban hành Quyết định buộc UBND huyện L, Công ty TNHH Đ phải thi hành bản án hành chính phúc thẩm số: 01/2012/HC-PT của Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

2. Bị đơn UBND xã L trình bày:

Căn cứ Quyết định số: 2480/QĐ-UBND ngày 05/12/2005 của UBND tỉnh H về việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Đ để xây dựng khu Biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí. UBND huyện L đã ban hành quyết định số: 1123/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi thu hồi của dự án, trong đó có hộ gia đình bà Vũ Thị T với diện tích đất thu hồi là: 21.163,1m² là đất lâm nghiệp.

Căn cứ quyết định thu hồi đất Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án đã phối hợp với UBND xã T, huyện L thông báo đến các hộ dân và tổ chức hợp với các hộ dân bị thu hồi đất để triển khai chủ trương và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, vẫn còn một số hộ không đến dự họp và không đồng ý với chủ trương thu hồi đất trong đó có bà Vũ Thị Tuyết .

Sau nhiều lần thông báo cũng như đề nghị hợp tác để kiểm đếm tài sản trên đất bị thu hồi nhưng một số hộ không thực hiện, UBND huyện L đã ban

hành quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2007 về việc kiểm đếm bắt buộc đối với các hộ không tự giác kê khai.

Ngày 09/01/2007 Hội đồng bồi thường cùng tổ công tác đã phối hợp cùng liên ngành cấp huyện, Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện và các ban ngành đoàn thể xã T đến trực tiếp tại thửa đất của bà Vũ Thị T để thực hiện việc kiểm kê đất đai và tài sản trên đất nhưng gia đình bà không hợp tác. Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng và cơ quan liên quan đã tiến hành kiểm kê bắt buộc và lập biên bản kiểm kê đất đai và toàn bộ cây cối, tài sản trên đất của hộ bà Vũ Thị Tuyết .

Căn cứ vào số liệu kiểm kê ngày 09/01/2007 của Hội đồng bồi thường và tổ công tác, UBND huyện L đã có tờ trình và được UBND tỉnh H phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại Quyết định số: 1530/QĐ - UBND ngày 29/6/2007. Trong đó hộ gia đình bà Vũ Thị T được bồi thường 261.886.000 đồng. Trong đó bồi thường về đất là: $21.163,1\text{m}^2 \times 8.000 \text{ đồng/ m}^2 = 169.304.800 \text{ đồng}$; đền bù tài sản, cây cối trên đất là 92.581.524 đồng.

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án bồi thường Hội đồng bồi thường đã thông báo cho bà T đến nhận tiền bồi thường. Tuy nhiên, sau 03 lần thông báo nhưng bà T không đến nhận tiền. UBND xã T và Hội đồng bồi thường đã đề nghị UBND huyện L ban hành Quyết định số: 1142/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 về biện pháp cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng đối với hộ bà Vũ Thị Tuyết . Sau đó, bà T có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính giai đoạn phúc thẩm, ngày 31/12/2008 giữa bà Vũ Thị T và UBND huyện L đi đến thống nhất thỏa thuận: UBND huyện L bồi thường toàn bộ diện tích $21.163,1 \text{ m}^2$ đất lâm nghiệp và cây cối hoa màu, tài sản trên đất cho bà Vũ Thị T với số tiền là 1,1 tỷ đồng, bà T đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận. Tuy nhiên riêng về phần thỏa thuận quy vuông phần đất còn lại cho bà T, UBND huyện L không thực hiện được vì Chính phủ đã có văn bản điều chỉnh địa giới hành chính, toàn bộ xã T thuộc địa giới của huyện T, thành phố Hà Nội.

Quan điểm của UBND xã L: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trong trường hợp, Tòa án tuyên UBND xã L phải bồi thường cho bà T số tiền ít hơn số tiền hai bên đã thỏa thuận 1,1 tỷ đồng thì UBND không yêu cầu bà T hoàn trả số tiền còn lại.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hồng S và anh Nguyễn Trung T2 cùng quan điểm với bà Vũ Thị Tuyết . Chị Nguyễn Thị Thanh T1 có bản uỷ quyền cho bà Vũ Thị T và đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty cổ phần Đ trình bày: Căn cứ quyết định số: 2062/QĐ-UBND

ngày 17/10/2005 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu biệt thự, nhà vườn và thể thao giải trí tại xã T huyện L, tỉnh Hòa Bình; Căn cứ quyết định số: 1123/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của Chủ tịch UBND huyện L về việc thu hồi đất của các hộ gia đình cá nhân thuộc xã T để giao cho Công ty Đ; Căn cứ quyết định số: 3475/QĐ-UBND ngày 26/12/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án xây dựng khu biệt thự nhà vườn thể thao giải trí xã T.

Căn cứ vào các biên bản bàn giao đất: Đợt 1 ngày 30/3/2007; Đợt 2 ngày 11/5/2007; Đợt 3 ngày 20/6/2007; Đợt 4 ngày 19/9/2007 và bản đồ giao đất khu biệt thự nhà vườn thể thao giải trí. Công ty cổ phần Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn căn cứ theo quy định của pháp luật để xét xử vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho công ty.

Sau khi nhận giấy báo đương sự của Tòa án nhân dân khu vực 13 về việc xét xử vụ án, ngày 21/7/2025 Công ty có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật

3.3. UBND xã Y (trước đây là UBND huyện T, TP Hà Nội): Ủy ban nhân dân xã Y và UBND huyện T cũ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có bất cứ ý kiến phản hồi nào.

Bản án số: 03/2025/DS - ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ quyết định: Căn cứ Điều 604, 605, 608, 618 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 584, 585, 589, 598 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND xã L, tỉnh Phú Thọ) về việc bồi thường thiệt hại tài sản.

- Buộc UBND xã L, tỉnh Phú Thọ phải bồi thường cho bà Vũ Thị T số tiền 538.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn).

Ghi nhận UBND xã L đã bồi thường cho bà Vũ Thị T 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng chẵn). Xác nhận bà Vũ Thị T đã nhận đủ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2025, bà Vũ Thị T có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS - ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị Tuyết .

2.1. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường: Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2012/HC-PT ngày 29/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã có hiệu lực pháp luật, tuyên hủy Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 của Chủ tịch UBND huyện L về việc cưỡng chế hành chính giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà Vũ Thị Tuyết . Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định UBND huyện L (nay là UBND xã L) phải bồi thường thiệt hại do việc cưỡng chế trái pháp luật gây ra cho hộ gia đình bà T là đúng quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2.2. Về xác định thiệt hại tài sản: Tài sản của hộ gia đình bà T bị cưỡng chế đã được kiểm kê tại Biên bản kiểm tra xác định đất và tài sản để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 09/01/2007 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện L. Số liệu này đã được UBND tỉnh H phê duyệt tại Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 29/6/2007. Do toàn bộ tài sản trên đất hiện không còn, nên căn cứ vào hồ sơ kiểm kê nêu trên để định giá là phù hợp. Kết quả định giá

tại biên bản định giá ngày 23/5/2025, cùng với kết luận của Công ty cổ phần Đ1 và sự thỏa thuận của các đương sự đối với 03 cây gỗ tạp, xác định tổng giá trị thiệt hại về tài sản là 538.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trong phạm vi này là có căn cứ.

2.3. Về số tiền bồi thường: UBND huyện L đã chi trả cho gia đình bà T số tiền 1.100.000.000 đồng, cao hơn giá trị thiệt hại tài sản được xác định. Tại quá trình giải quyết vụ án, UBND xã L xác định không yêu cầu bà T hoàn trả phần chênh lệch nếu số tiền bồi thường thực tế thấp hơn số tiền đã chi trả. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định gia đình bà T được hưởng toàn bộ số tiền 1.100.000.000 đồng và đã nhận đủ là có lợi cho nguyên đơn, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập, tiền thuê người trông nom và các tài sản, cây cối khác do bà T tự kê khai ngoài Biên bản kiểm kê ngày 09/01/2007, cấp sơ thẩm đã xem xét và xác định không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận là đúng quy định tại các Điều 91, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.4. Về yêu cầu buộc thi hành bản án hành chính: Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2012/HC-PT đã có hiệu lực pháp luật; việc tổ chức thi hành bản án hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tố tụng hành chính, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này trong vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới được pháp luật chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2025/DS-ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ là phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bà Vũ Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Tuyết .
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.
3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.
4. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Vũ Thị Tuyết .
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/01/2026)./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 13;
- TAND khu vực 13;
- Phòng THADS khu vực 13
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trường Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Trường Trần Thanh Hải

Đinh Trường Sơn

